ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 4228 /QĐ-UBND	*Quảng Trị, ngày 05 tháng 10năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành mức giá tối đa đối với dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng áp dụng tại các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Công chứng ngày 26/11/2024;

Căn cứ Luật Giá ngày 19/6/2023 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giá ngày 10/12/2026 ;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá và Nghị định số 128/2026/NĐ-CP ngày 06/4/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá số 16/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 44/2024/QH15, Luật số 61/2024/QH15, Luật số 95/2025/QH15 và Luật số 140/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá;

Căn cứ Quyết định số 03/2025/QĐ-UBND ngày 04/8/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị ban hành quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 13/2026/QĐ-UBND ngày 20/01/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị ban hành quy định phân công, phân cấp quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 3282/QĐ-UBND ngày 11/8/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc lựa chọn tổ chức hành nghề công chứng lập Phương án giá dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng;

Theo đề nghị của Sở Tư pháp tại Tờ trình số 3446/TTr-STP ngày 09 tháng 9 năm 2026 và Báo cáo thẩm định phương án giá số 3436/BC-STP ngày 09 tháng 9 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành mức giá tối đa đối với dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng áp dụng tại các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị *(Có Phụ lục kèm theo).*

Mức giá quy định tại Quyết định này đã bao gồm thuế giá trị gia tăng và chưa bao gồm phí công chứng theo quy định.

Điều 2. Các Tổ chức hành nghề công chứng xác định giá cụ thể đối với từng loại việc không vượt quá mức giá tối đa quy định tại Điều 1 Quyết định này và niêm yết công khai các mức giá tại trụ sở của tổ chức.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Các quy định sau đây hết hiệu lực từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

- Quyết định số 32/2015/QĐ-UBND ngày 02/10/2015 của UBND tỉnh Quảng Bình quy định mức trần thù lao công chứng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

- Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND ngày 05/6/2015 của UBND tỉnh Quảng Trị ban hành mức trần thù lao công chứng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Tư pháp; Thủ trưởng các cơ quan liên quan; các tổ chức hành nghề công chứng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC.DB

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Bảo

Phụ lục

MỨC GIÁ TỐI ĐA ĐỐI VỚI DỊCH VỤ THEO YÊU CẦU LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC CÔNG CHỨNG ÁP DỤNG TẠI CÁC TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ

(Kèm theo Quyết định số 4228 /QĐ-UBND ngày 05/ 10 /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị tính mức giá: Việt Nam đồng

TT	Loại việc	Mức giá tối đa
1	**Soạn thảo giao dịch**	
a)	Giao dịch mua bán, chuyển nhượng, tặng cho, đặt cọc chuyển nhượng tài sản	250.000 đồng/văn bản
b)	Văn bản hủy bỏ, sửa đổi, bổ sung, chấm dứt, thanh lý giao dịch	150.000 đồng/văn bản
c)	Hợp đồng ủy quyền, thuê, mượn, vay mượn tài sản, thế chấp tài sản	200.000 đồng/văn bản
d)	Văn bản liên quan đến hôn nhân và gia đình *(phân chia tài sản chung, nhập tài sản riêng vào khối tài sản chung, văn bản về chế độ tài sản theo thỏa thuận và các loại văn bản khác)*	250.000 đồng/văn bản
đ)	Di chúc	200.000 đồng/văn bản
e)	Văn bản phân chia di sản	300.000 đồng/văn bản
g)	Giấy ủy quyền, văn bản từ chối nhận di sản	150.000 đồng/văn bản
h)	Giao dịch về kinh tế, thương mại, đầu tư kinh doanh, góp vốn, hợp tác kinh doanh	300.000 đồng/văn bản
e)	Soạn thảo các giao dịch khác	150.000 đồng/văn bản
2	**Đánh máy văn bản** (bao gồm cả in ấn nếu có)	10.000 đồng/trang A4/A3
3	**Sao chụp giấy tờ, văn bản**	2.000 đồng/trang của văn bản chính (A4/A3)
4	**Dịch giấy tờ, văn bản**	
a)	Dịch giấy tờ, văn bản từ tiếng Anh sang Tiếng Việt và ngược lại	150.000 đồng/trang A4

TT	Loại việc	Mức giá tối đa
b)	Dịch giấy tờ, văn bản từ tiếng Pháp, Nga, Đức, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản sang Tiếng Việt và ngược lại	200.000 đồng/trang A4
c)	Dịch giấy tờ, văn bản từ các ngôn ngữ khác sang Tiếng Việt và ngược lại	250.000 đồng/trang A4
d)	Cấp thêm bản dịch thứ 02 trở lên	50.000 đồng/bản cấp thêm